

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1271* /STTTT-VP

Đồng Nai, ngày *27* tháng 6 năm 2018

V/v thông báo kết quả giám sát, đánh giá công
vụ đối với Sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh;
Phòng VH TT các huyện, thị xã Long Khánh,
thành phố Biên Hòa; Đài Phát thanh - Truyền
hình Đồng Nai 6 tháng đầu năm 2018.

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Căn cứ Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện. Căn cứ văn bản số 2040/SNV-TT ngày 7/10/2016 của Sở Nội vụ về việc triển khai, hướng dẫn Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông thông báo kết quả kiểm tra, giám sát - đánh giá đánh giá công vụ về ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành đối với các Sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; đánh giá công vụ về quản lý nhà nước chuyên ngành thông tin truyền thông đối với Phòng VH TT các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Đài PTTH tỉnh 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

1. Đối với các Sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh:

- Phiếu đánh giá mức độ hoàn thành công vụ về ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành;
- Phiếu tổng hợp ý kiến đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Đối với phòng VH TT các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa:

- Phiếu đánh giá mức độ hoàn thành công vụ về quản lý nhà nước chuyên ngành thông tin và truyền thông;
- Phiếu tổng hợp ý kiến đánh giá về quản lý nhà nước chuyên ngành thông tin và truyền thông.

3. Đối với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Phiếu đánh giá mức độ công vụ về chuyên môn nghiệp vụ.

Lưu ý: Đối với Tiêu chí 1.1 về mức độ thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT (theo Thông báo số 881/STTTT-VP ngày 10/5/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông): chưa đánh giá được 6 tháng đầu năm 2018 do các đơn vị đang triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018 nên sẽ đánh giá vào cuối năm

Trên đây là kết quả giám sát, đánh giá công vụ về ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành đối với Sở, ban ngành, thuộc UBND tỉnh; Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh 6 tháng đầu năm 2018. Sở Thông tin và Truyền thông kính chuyển Sở Nội vụ để thông báo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - BGĐ Sở;
 - Lưu: VT, VP, CNTT, P.BCVT
- Thanh tra Sở; P.BCXB;TH từng.



Lê Hoàng Ngọc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 6 năm 2018

**PHIẾU TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỐI VỚI SỞ, BAN NGÀNH THUỘC UBND TỈNH ĐỒNG NAI
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

ST T	Đơn vị được đánh giá	Đánh giá của các phòng ban, đơn vị trực thuộc theo chức năng quản lý chuyên ngành					Tổng Điểm Đánh giá	Số điểm của đơn vị được đánh giá	Phân loại
		Phòng CNTT							
		Tiêu chí 1. I	Tiêu chí 2. I	Tiêu chí 3.I	Tiêu chí 4. I	Tiêu chí 5. I			
01	Thanh tra tỉnh	Ko đánh giá	3	3	3	3	12	3	A+
02	Văn phòng UBND tỉnh		3	3	3	3	12	3	A+
03	Sở Nội vụ		3	3	3	3	12	3	A+
04	Sở KHĐT		2	3	3	3	12	3	A+
05	Sở TTTT		3	3	3	2	12	3	A+
06	Sở Tài chính		3	3	3	2.5	11.5	2.87	A
07	Sở VH TT&DL		3	3	3	2.5	11.5	2.87	A
08	Ban Quản lý các KCN		3	3	3	2.5	11.5	2.87	A
09	Sở LĐTBXH		3	3	3	2.5	11.5	2.87	A
10	Sở Ngoại vụ		2	3	3	3	11	2.75	A
11	Sở Tư pháp		3	3	3	2	11	2.75	A
12	Sở TNMT		2	3	3	2	11	2.75	A
13	Sở KHCN		2	3	3	3	11	2.75	A
14	Sở GDĐT		3	3	3	2	11	2.75	A
15	Sở Y tế		3	3	3	2	11	2.75	A
16	Ban Dân tộc		3	3	3	2	11	2.75	A
17	Sở Công thương		1	3	3	3	10	2.5	A
18	Sở GTVT		1	3	3	3	10	2.5	A
19	Sở Xây dựng		1	3	3	2.5	9.5	2.37	A
20	Sở NNPT&NT		2	1	3	2	8	2	A



Lê Hoàng Ngọc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 6 năm 2018

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ
VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
ĐỐI VỚI SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH
(Kèm theo công văn số: 471/STTTT-VP, ngày 27/6/2018 của Sở TTTT)

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
1.	Thanh tra tỉnh	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác				
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc		A ⁺	Đạt 100% trong việc trao đổi trao đổi văn bản điện tử và các cơ quan hành chính khác; Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại;	không có chức năng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 2				
2.		1. Tỷ lệ trao đổi văn bản	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
	Văn phòng UBND tỉnh	điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A⁺	Đạt 100% trong việc trao đổi trao đổi văn bản điện tử và các cơ quan hành chính khác; Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	không có chức năng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 2				
3	Sở Nội vụ	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A⁺	Đạt 100% trong việc trao đổi trao đổi văn bản điện tử và các cơ quan hành chính khác. Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ	
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
						được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4	
4	Sở KHĐT	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác				
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4		A+	Đạt 100% trong việc trao đổi trao đổi văn bản điện tử và các cơ quan hành chính khác. Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4	
		1. Tỷ lệ trao đổi văn bản	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
5	Sở TTTT	điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A ⁺	Đạt 100% trong việc trao đổi trao đổi văn bản điện tử và các cơ quan hành chính khác. Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4	
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4				
6	Sở Tài chính	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		hiện đại					
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên.				
7	Sở VHTTDL	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên				
	Sở LĐTĐ	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
8		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
			lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên				
9	Ban QLKC	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên				
10	Sở Ngoại vụ	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt từ 95% đến dưới 100% tổng số văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
11	Sở Tư pháp	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4.				
12	Sở TNMT	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
			3,4.				
13	Sở KHCN	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt từ 95% đến dưới 100% tổng số văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4				
14	Sở GDĐT	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
15	Sở Y tế	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4				
16	Ban Dân tộc	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4				
	Sở Công thương	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		Đạt từ 90% đến dưới 95% tổng số văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	A		

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
17		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4				
18	Sở GTVT	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		Đạt từ 90% đến dưới 95% tổng số văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4;	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4	ly trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4				
		1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		Đạt từ 90% đến dưới 95% tổng số văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác			
19	Sở Xây dựng	2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc	Đạt 100% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc		A		
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên; Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; Có hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt trên 10% trở lên.				
20	Sở NNPT&NT	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	Đạt từ 95% đến dưới 100% tổng số văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc		Đạt dưới 95% tổng số CCVC sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý công việc			

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4.	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 1,2; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4.				

GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Ngọc

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 6 năm 2018

PHIẾU TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ THEO CHỨC NĂNG CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI PHÒNG VH TT CÁC
HUYỆN, THỊ XÃ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

STT	Đơn vị được đánh giá	Đánh giá của các phòng ban, đơn vị trực thuộc theo chức năng quản lý chuyên ngành							Tổng Điểm Đánh giá	Số điểm của đơn vị được đánh giá	Phân loại
		Phòng CNTT				Phòng BCVT	Phòng BCXB	Thanh tra Sở			
01	Phòng VH TT Cẩm Mỹ	3	3	3	2	3	3	3	20	2,85	A+
02	Phòng VH TT Tân Phú	3	3	3	2	3	3	3	20	2,85	A+
03	Phòng VH TT Thống Nhất	3	3	3	2	3	3	3	20	2,85	A+
04	Phòng VH TT Nhơn Trạch	3	3	3	2	3	3	3	20	2,85	A+
05	Phòng VH TT Xuân Lộc	3	3	3	2	3	3	2,5	19,5	2,78	A
06	Phòng VH TT TX Long Khánh	3	3	3	2	3	3	2,5	19,5	2,78	A
07	Phòng VH TT Vĩnh Cửu	2	3	3	2	3	3	3	19	2,71	A
08	Phòng VH TT TP Biên Hòa	1	3	3	2	3	3	3	18	2,57	A
09	Phòng VH TT Định Quán	1	3	3	2	3	3	3	18	2,57	A
10	Phòng VH TT Long Thành	1	3	3	2	3	3	3	18	2,57	A
11	Phòng VH TT Trảng Bom	1	3	3	2	3	3	2,5	17,5	2,5	A

GIÁM ĐỐC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH ĐỒNG NAI
Lê Hoàng Ngọc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 6 năm 2018

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ
VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM
2018 ĐỐI VỚI PHÒNG VH TT CÁC HUYỆN, THỊ XÃ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo công văn số 1241 /STTTT-VP, ngày 24/6/2018 của Sở TT&TT)

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
1.	Phòng VH TT huyện Cẩm Mỹ	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		A ⁺	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác; Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT; Tham mưu cấp giấy chứng	
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3				
		5. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		6. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.			nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.	
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
2.	Phòng VHTT huyện Tân Phú	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		A+	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác; Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại; Có dịch vụ	
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		một cửa hiện đại					
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3			công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai; VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT; Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định	
		5. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		thông tin điện tử	cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
3	Phòng VHTT huyện Thống Nhất	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		A ⁺	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác; Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc; Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại; Có dịch vụ công được cung cấp trực	
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3			tuyển ở mức độ 3; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai; VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT; Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định	
		5. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB;				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
			và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
4	Phòng VH TT Nhơn Trạch	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		A ⁺		
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2			
		5. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		6.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
5	Phòng VH TT huyện Xuân Lộc	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		A		
		2.Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		hiện đại					
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3	Tất cả dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2			
		5.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo chậm so với thời gian quy định	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 không đáp ứng đầy đủ yêu cầu.			

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
6	Phòng VHTT thị xã Long Khánh	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	Đạt 100% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3				
		5. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
			quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo chậm so với thời gian quy định	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 không đáp ứng đầy đủ yêu cầu.			
7	Phòng VHTT Vĩnh Cửu	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	Đạt từ 95% đến dưới 100% trong việc trao đổi văn bản trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		A		
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3				
		5. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		thanh truyền hình và thông tin điện tử	tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
8	Phòng VH TT thành phố Biên Hòa	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		Đạt từ 90% đến dưới 95% trong việc trao đổi văn bản trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	A		
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		hiện đại					
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3				
		5.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
9	Phòng VH TT huyện Định Quán	1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan		Đạt từ 90% đến dưới 95% trong việc trao đổi văn bản trao đổi	A		

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		hành chính khác		văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác			
		2.Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3				
		5.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
			đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
10	Phòng VHTT huyện Long Thành	1. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác		Đạt từ 90% đến dưới 95% trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	A		
		2. Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLVB&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3				
		5.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 kịp thời trước ngày 31/01/2018; Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.				
11		1.Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp		Đạt từ 90% đến dưới 95% trong việc trao			

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
	Phòng VHTT huyện Trảng Bom	huyện và các cơ quan hành chính khác		đổi văn bản trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện và các cơ quan hành chính khác	A		
		2.Tỷ lệ CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc	Đạt 100% tổng số CBVC các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm QLV&ĐHCV để xử lý, giải quyết công việc				
		3.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại	Đạt 100% hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa hiện đại				
		4.Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3				
		5.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Kịp thời tổ chức tuyên truyền, triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCVT và nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCVT.				
		6.Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí và xuất bản, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Tham mưu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt 100% và có đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý đầy đủ; Kịp thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai VBQPPL về lĩnh vực BCXB; nắm rõ số liệu đầy đủ về lĩnh vực BCXB; và cập nhật thông tin tờ khai cơ sở photocopy bắt đầu hoạt động hoặc cơ sở thay đổi về thông tin				

STT	Tên Đơn vị	Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
			đã khai báo vào dữ liệu của cơ quan mình.				
		7. Tham mưu thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính ngành thông tin và truyền thông.	Đạt trên 90% kế hoạch hiệu quả và có chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2018 không đáp ứng đầy đủ yêu cầu.			

GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Ngọc



Đã được chấp thuận

20/11/2017

1/2

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 6 năm 2018

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
ĐỐI VỚI ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH TỈNH ĐỒNG NAI

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
1- Lập kế hoạch hoạt động và Dự trù kinh phí hoạt động để thực hiện nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền trong năm 2017	Có xây dựng Kế hoạch hoạt động của Đài PTTH năm 2018		10	
1.1. Thời gian xây dựng, ban hành kế hoạch và gửi Sở TTTT: - Ban hành trong trung tuần tháng 12 năm trước đến 30/01 năm sau thì điểm đánh giá là 5 điểm. - Ban hành sau ngày 30/1 đến trước ngày 10/2 năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 3 điểm. - Ban hành sau ngày 10/2 đến trước	Ban hành Chương trình công tác số 456/Chtr-DPTTH ngày 20/12/2017.		5	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
ngày 28/2 năm Kế hoạch thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Ban hành sau ngày 28/2 năm kế hoạch hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.				
1.2. Nội dung kế hoạch nêu rõ được các nhiệm vụ trọng tâm và các nhiệm vụ thường xuyên phải thực hiện trong năm 2017 theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2018 và các nhiệm vụ thường xuyên trong năm, đáp ứng đầy đủ các nội dung của tiêu chí này.		5	
2- Nội dung các chương trình Phát thanh Truyền hình đảm bảo tính kịp thời, đúng trọng tâm chủ đề tuyên truyền theo định hướng tại các cuộc họp giao ban báo chí tỉnh trong Quý I, II, III, IV năm 2017 và theo các văn bản chỉ đạo công tác tuyên truyền theo chuyên đề của Sở Thông tin và Truyền thông.			15	
2.1. Nội dung các chương trình đảm bảo tính thời sự, tính kịp thời	Nội dung các chương trình đảm bảo tính thời sự, tính kịp thời		3	
2.2. Có xây dựng Kế hoạch tuyên truyền hàng Quý theo đúng trọng tâm chủ đề tuyên truyền theo định hướng tại các	Vào sáng thứ 2 hàng tuần, vào lúc 8h30, tập thể cán bộ chủ chốt tham dự cuộc họp giao ban cùng với Ban Giám		8	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
cuộc họp giao ban báo chí tỉnh trong Quý I, II, III, IV năm 2017; Có báo cáo kết quả thực hiện công tác tuyên truyền hàng Quý (Thiếu mỗi Quý trừ 2 điểm)	đốc Đài. Ban Giám đốc Đài trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ tuyên truyền theo định hướng của các cuộc họp giao ban báo chí tỉnh và theo các văn bản chỉ đạo công tác tuyên truyền theo chuyên đề của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai và Sở Thông tin – Truyền thông Đồng Nai và được cụ thể hóa tại Biên Bản giao ban sáng thứ hai hàng tuần. - Báo cáo số 30/BC-ĐPTTH, báo cáo công tác PT-TH quý I/2018 và phương hướng quý II/2018 - Báo cáo số 59/BC-ĐPTTH, ngày 6/6/2018, Báo cáo công tác PTTH 6 tháng đầu năm 2018, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018			
2.3. Thực hiện đầy đủ công tác tuyên truyền theo chuyên đề theo các văn bản chỉ đạo của Sở Thông tin và Truyền thông trong năm (Nếu thiếu bị trừ điểm: bằng tổng số điểm chia cho tổng số văn bản chỉ đạo)	Thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Sở Thông tin và Truyền thông 6 tháng đầu năm 2018. - Báo cáo tình hình triển khai truyền dẫn phát sóng kênh truyền hình thiết yếu của địa phương trên hạ tầng số mặt đất (47/BC-ĐPTTH, ngày 17/5/2018)		4	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
3- Đầu tư, nghiên cứu đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền; có mở thêm, bổ sung điều chỉnh nhiều chương trình, chuyên mục, chuyên đề hấp dẫn theo từng thời điểm.	<i>Đài PT-TH Đồng Nai đã thực hiện cải cách mạnh mẽ các chương trình trên sóng phát thanh, truyền hình, cụ thể:</i> - <i>Thực hiện chương trình mới như:</i> + <i>Tiết mục “Cải cách hành chính và Cuộc sống” phát sóng 01 tháng/chương trình.</i> + <i>Chuyên mục: Kinh tế hợp tác xã; Địa ốc.</i> + <i>Về chương trình giải trí: xây dựng chương trình “Cửa sổ tình yêu” và “Điện ảnh tối thứ bảy”, Một Music, Hit song, Âm điệu quê hương...để thu hút tài trợ quảng cáo tạo nguồn thu cho Đài.</i>		10	
4- Sản xuất và phát sóng các chương trình phát thanh, các chương trình truyền hình, nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử bằng tiếng Việt, bằng các tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài theo quy định của pháp luật. (Có thực hiện đầy đủ nội dung này thì đạt 5 điểm).	<i>Ngoài các bản tin thời sự (trong nước, quốc tế, thể thao), chuyên mục, chuyên đề, trên trang thông tin điện tử Đài PT-TH Đồng Nai đã cập nhật các chương trình tiếng dân tộc Hoa và Chơ ro và các bản tin tiếng Anh, Trung Quốc.</i>		5	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
5- Đảm bảo chất lượng kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương theo quy định tại Điểm 2 Điều 3 Thông tư 18/2016/TT-BTTTT ngày 28/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đài đã thực hiện tốt việc đảm bảo chất lượng kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thông qua các chương trình thời sự, chuyên đề, chuyên mục và đặc biệt là các chương trình truyền hình trực tiếp các sự kiện lớn trong và ngoài tỉnh.		10	
5.1. Thời lượng phát sóng kênh chương trình đạt tối thiểu 15 giờ/ngày. (Thiếu 01 giờ trừ 1 điểm mỗi lần thiếu).	Thời lượng phát sóng của Đài: - Trên sóng truyền hình 24 giờ/ngày. - Trên sóng phát thanh 18 giờ/ngày.		5	
5.2. Thời lượng chương trình tự sản xuất đạt tối thiểu 20% tổng thời lượng phát sóng trong 01 (một) ngày của kênh chương trình (trong đó bảo đảm thời lượng chương trình tự sản xuất mới phải đạt 50% thời lượng các chương trình tự sản xuất).	Đài luôn đảm bảo thời lượng phát sóng chương trình tự sản xuất theo quy định (được thể hiện chi tiết trong lịch phát sóng các chương trình của Đài với 02 kênh ĐN 1 và ĐN 2).		5	
6- Triển khai thực hiện Quy hoạch truyền dẫn phát sóng Phát thanh – Truyền hình đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Ngày 01/05/2018 đã khánh thành và đưa vào sử dụng một số dự án trang thiết bị truyền hình giai đoạn 2016-2018 và công bố phát sóng truyền hình chuẩn HD.		15	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
6.1. Có xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Dự án đầu tư, xây dựng thuộc Đề án Quy hoạch truyền dẫn phát sóng Phát thanh – Truyền hình đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.	Kế hoạch số 457/KH-ĐPTTH, ngày 20/12/2017 – Kế hoạch dự kiến mua sắm trang thiết bị các phòng, trung tâm năm 2018.		10	
6.2. Có báo cáo kết quả thực hiện của mỗi Dự án.	Đài PT-TH Đồng Nai đã thực hiện báo cáo các dự án lên UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Kế hoạch – Đầu tư. - Báo cáo 03/BC-ĐPTTH ngày 9/1/2018, báo cáo dự án trang thiết bị cho 04 phòng thu âm phát thanh - Báo cáo số 24/BC-ĐPTTH ngày 2/3/2018 tổng hợp sự quy định và phù hợp Hồ sơ thiết kế thi công so với hợp đồng Dự án TTB camera, sản xuất chương trình cho sân khấu ca nhạc 400 chỗ ngồi. - Báo cáo số 25/BC-ĐPTTH ngày 2/3/2018 tổng hợp sự quy định và phù hợp Hồ sơ thiết kế thi công so với hợp đồng Dự án TTB âm thanh, ánh sáng, sản xuất chương trình cho studio ca nhạc 108		5	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
	m2. - Báo cáo số 28/BC-ĐPTTH ngày 13/3/2018 giải trình, bổ sung đề xuất chủ trương đầu tư sân khấu Nhà hát truyền hình 400 chỗ ngồi. - Báo cáo số 37/BC-ĐPTTH ngày 10/4/2018 giám sát đánh giá đầu tư Quý I Dự án TTB âm thanh, ánh sáng, sản xuất chương trình cho studio ca nhạc 108 m2. - Báo cáo số 38/BC-ĐTTH ngày 10/4/2018 giám sát đánh giá đầu tư Quý I Dự án TTB Camera, sản xuất chương trình cho sân khấu ca nhạc 400 chỗ ngồi. - Báo cáo số 39/BC-ĐPTTH ngày 10/4/2018 giám sát đánh giá đầu tư Quý I Dự án TTB cho 04 phòng thu âm phát thanh.			
7- Có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mua sắm, bổ sung, tăng công năng và chất lượng thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ Phát thanh Truyền hình đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền phê	Kế hoạch số 457/KH-ĐPTTH, ngày 20/12/2017 – Kế hoạch dự kiến mua sắm		5	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
duyet theo quy định của pháp luật. - Ban hành trong trung tuần tháng 12 năm trước đến 30/01 năm sau thì điểm đánh giá là 5 điểm. - Ban hành sau ngày 30/1 đến trước ngày 10/2 năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 3 điểm. - Ban hành sau ngày 10/2 đến trước ngày 28/2 năm Kế hoạch thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Ban hành sau ngày 28/2 năm kế hoạch hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.	trang thiết bị các phòng, trung tâm năm 2018.			
8- Đảm bảo chất lượng Dịch vụ Phát thanh Truyền hình; công tác khắc phục, xử lý khi có sự cố xảy ra trong quá trình truyền dẫn, phát sóng đảm bảo kịp thời, thông suốt và không làm gián đoạn các kênh chương trình truyền hình đang phát sóng của Đài PTTH Đồng Nai.	Đài luôn đảm bảo về chất lượng Dịch vụ Phát thanh Truyền hình, không để xảy ra sự cố trên sóng phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử. Công tác khắc phục, xử lý khi có sự cố xảy ra trong quá trình truyền dẫn, phát sóng luôn đảm bảo kịp thời, trực phát sóng 24/24, đảm bảo dịch vụ được thông suốt và không làm gián đoạn các kênh chương trình truyền hình đang phát sóng của Đài PT-TH Đồng Nai.		10	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
9- Làm tốt nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo triển khai Đề án Số hóa truyền hình mặt đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	- Ký kết với Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC thực hiện thuê dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh Đồng Nai 1 trên sóng truyền hình số mặt đất theo quy định. - Đưa 2 kênh ĐN1 HD, ĐN2 HD lên mạng truyền hình KTS VTVCab, HTVC nhằm tăng cường độ phủ sóng của truyền hình Đồng Nai đến khán giả cả nước.	- Việc triển khai trạm phát lại sóng truyền hình số mặt đất trên núi Chứa Chan còn chậm trễ (triển khai từ tháng 8/2017 đến nay chưa thực hiện), có văn bản nhắc nhở, đề nghị báo cáo của UBND tỉnh. Đến đầu tháng 6/2018, Đài PTTH Đồng Nai đã có văn bản số 183/ĐPTTH-KHTV về việc triển khai trạm phát sóng truyền hình số mặt đất trên đỉnh núi Chứa Chan và sẽ phối hợp với Đài Truyền hình Kỹ	2	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
		thuật số triển khai trạm phát lại vào Quý III/2018.		
10- Thực hiện nghiêm việc đăng ký giấy phép sử dụng thiết bị phát sóng và tần số vô tuyến điện đối với Đài Phát thanh – Truyền hình, sử dụng đúng tần số được ấn định trong giấy phép.	<i>Đài nghiêm túc thực hiện việc đăng ký giấy phép sử dụng thiết bị phát sóng và tần số vô tuyến điện, cụ thể:</i> - Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện của kênh phát thanh FM 97,5 MHz (Giấy phép số 41774/GP-GH8 ngày 19/4/2017 do Cục Tần số Vô tuyến điện cấp); - Giấy phép hoạt động phát thanh (Giấy phép số 1117/GP-BTTTT, ngày 22/6/2012 của Bộ Thông tin-Truyền thông cấp); - Giấy phép hoạt động truyền hình (Giấy phép số 1307/GP-BTTTT, ngày 23/7/2012 của Bộ Thông tin-Truyền thông cấp); - Giấy phép Thiết lập Trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng (số 39/GP-TTĐT, ngày 17/01/2017 do Cục PTTH & TTĐT cấp phép); - Giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước (ĐNRTV3- Kênh Doanh nhân – Doanh nghiệp- Thông tin thị trường – Giải trí; Giấy phép số 298, ngày 6/6/2016 do Bộ Thông tin-Truyền thông cấp);		4	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
	- Giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước (ĐNRTV9- Kênh Tư vấn và Mua bán sản phẩm; Giấy phép số 106, ngày 14/3/2017 do Bộ Thông tin-Truyền thông cấp); - Giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước (ĐNRTV2- Kênh Khoa giáo Giải trí Tổng hợp; Giấy phép số 303, ngày 07/6/2016 do Bộ Thông tin-Truyền thông cấp);			
11- Thực hiện các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề đột xuất đủ số lượng, đủ nội dung, đúng biểu mẫu và đúng thời gian quy định của Sở Thông tin và Truyền thông. (Thiếu 01 báo cáo trừ 01 điểm; Mỗi báo cáo trễ thời gian theo quy định trừ 0,5 điểm)	Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề đủ số lượng, đủ nội dung, đúng biểu mẫu và đúng thời gian quy định của Sở Thông tin và Truyền thông trong 6 tháng đầu năm 2018 * Báo cáo định kỳ: - Báo cáo số 17/BC-ĐPTTH ngày 25/01/2018, Báo cáo công tác PT-TH tháng 01 và phương hướng, nhiệm vụ tháng 02/2018. - Báo cáo số 20/BC-ĐPTTH ngày 23/02/2018, Báo cáo công tác PT-TH tháng 2 và phương hướng, nhiệm vụ tháng 3/2018. - Báo cáo số 30/BC-ĐPTTH, báo cáo		3	

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
	công tác PT-TH quý I/2018 và phương hướng quý II/2018 - Báo cáo số 31/BC-ĐPTTH ngày 19/3/2018, Báo cáo công tác PT-TH tháng 3 và phương hướng nhiệm vụ tháng 4/2018. - Báo cáo số 43/BC-ĐPTTH ngày 19/4/2018, Báo cáo công tác PT-TH tháng 4 và phương hướng nhiệm vụ tháng 5/2018. - Báo cáo số 53/BC-ĐPTTH ngày 24/5/2018, Báo cáo công tác PT-TH tháng 5 và phương hướng nhiệm vụ tháng 6/2018. - Báo cáo số 59/BC-ĐPTTH, ngày 6/6/2018, Báo cáo công tác PTTH 6 tháng đầu năm 2018, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018 * Ngoài ra, còn hoàn thành các báo cáo chuyên đề định kỳ như: báo cáo tuyên truyền về an toàn vệ sinh thực phẩm, tuyên truyền công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; tuyên truyền về trật tự an toàn giao thông; tuyên truyền phòng chống mua bán người.....			

Tiêu chí	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Điểm đánh giá và xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺
12- Tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn do Bộ Thông tin và Truyền thông và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức (tham dự đầy đủ thì đạt 3 điểm; vắng 01 lần trừ 0,5 điểm).	Đài tham dự đầy đủ lớp bồi dưỡng, tập huấn do Bộ Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí – Hội Nhà báo Việt Nam và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.		3	
13- Hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật đối với các phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên các Đài Truyền thanh huyện, thị xã, thành phố thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật.	- Tham gia Hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng viết tin, bài cho các cộng tác viên cơ sở tại huyện Nhơn Trạch. - Tổ chức hướng dẫn đào tạo cho các phóng viên Đài Truyền thanh các huyện, thị, TP sử dụng camera, quay phim theo chuẩn phát sóng HD.		5	

- Xếp loại mức độ hoàn thành công vụ Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai: A+



GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Ngọc

